

## THƠ VĂN XUÔI VIỆT NAM TIỀN HIỆN ĐẠI NHÌN TỪ HỆ HÌNH TƯ DUY

Nguyễn Thị Chính

Trường Đại học Đồng Tháp

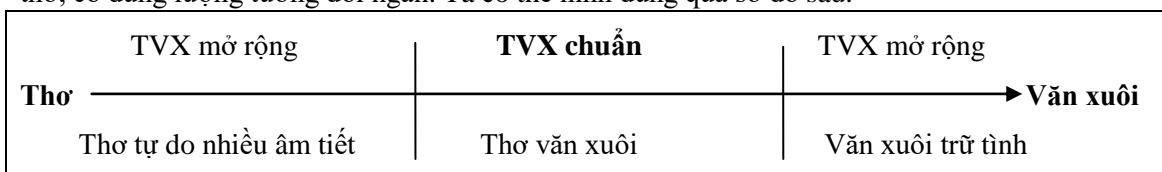
Email : ntchinhhdht@gmail.com

### TÓM TẮT

*Thơ văn xuôi Việt Nam tiền hiện đại thuộc kiểu thơ truyền cảm, kiểu tư duy liên tục, tuyến tính. Kiểu tư duy này thể hiện nổi bật qua cách xây dựng hình tượng đơn tuyến, vận động một cách tuần tự; qua cách lựa chọn ngôn ngữ - loại ngôn ngữ trong sáng, rõ nghĩa, giàu màu sắc, giàu giá trị biểu cảm; qua việc bảo lưu tính nhạc ở hình thức lời thơ - như một chất “bôi trơn” trong vai trò truyền dẫn cảm xúc.*

**Từ khóa:** *thơ văn xuôi, tiền hiện đại, hệ hình tư duy.*

Thơ văn xuôi (prose poem) là thể loại thơ viết bằng văn xuôi. Cụ thể hơn, nó là thể thơ có cấu trúc câu giống như câu văn xuôi, tổ chức theo mô hình văn bản văn xuôi, không chịu sự ràng buộc của hệ thống niêm luật nào. Thơ văn xuôi tồn tại ở hai dạng. Dạng chuẩn là những bài thơ được trình bày theo hình thức văn bản văn xuôi tự do, không phân dòng, có chăng chỉ phân đoạn. Dạng mở rộng, đó là khi vùng mờ, vùng tranh chấp của thơ văn xuôi kéo dài. Khi đó, nếu kéo về phía trực thơ, thuộc về thơ văn xuôi sẽ gồm cả những bài thơ tự do có câu thơ dài từ 11,12 âm tiết trở lên, kéo về phía văn xuôi, nó cũng gộp cả những bài văn xuôi trữ tình giàu chất thơ, có dung lượng tương đối ngắn. Ta có thể hình dung qua sơ đồ sau:



Trong hệ thống các hình thức và thể loại thơ ca dân tộc, thơ văn xuôi ra đời muộn nhất, song nó vẫn theo sát từng bước phát triển của nền thơ dân tộc, có mặt trong từng bước chuyển hệ hình. Đến nay, nó còn được xem là một thể loại đầy tiềm năng. Về vấn đề ba hệ hình thơ (tiền hiện đại, hiện đại, và hậu hiện đại), do Việt Nam là “vùng lõm của thế giới phẳng” nên “các hệ hình không nối tiếp nhau mà “gối tiếp nhau”. Chính sự gối tiếp đó, tạo ra sự đồng tồn, các hệ hình tồn tại song song với nhau”[7]. Đặc điểm này không chỉ thể hiện ở nền thơ Việt Nam từ những năm 30 của thế kỉ XX đến nay mà còn ở ngay trong sáng tác của một tác giả (Chẳng hạn: Hàn Mặc Tử, Mai Văn Phấn, Nguyễn Quang Thiều,...). Do đó, chúng tôi xác định thuộc hệ hình sáng tác thơ văn xuôi tiền hiện đại là những bài thơ lấy tình cảm cá nhân làm đối

tượng kể, tả hoặc những bài thơ đi vào phản ánh thực tại, tái hiện chân dung cuộc đời như nó vốn có. Con người trong thơ là con người xã hội, con người hữu hình, tư duy thơ thuộc kiểu tư duy lôgic, ngôn ngữ thơ chuẩn xác, gắn với chức năng miêu tả và thông tin. Trong bài viết này, chúng tôi chỉ đi qua thơ văn xuôi Việt Nam thuộc hệ hình tiền hiện đại, phần chủ yếu đi vào tìm hiểu kiểu tư duy của thơ văn xuôi Việt Nam thuộc hệ hình sáng tác này.

## 1. KHÁI LƯỢC VỀ THƠ VĂN XUÔI VIỆT NAM TIỀN HIỆN ĐẠI

Theo cách nhận diện trên, thuộc hệ hình tiền hiện đại đã là những thể nghiệm thơ văn xuôi đầu tiên xuất hiện từ thời Thơ mới cho đến nay. Hình thành và phát triển trải dài gần một thế kỉ, thơ văn xuôi thuộc hệ hình này đã khẳng định được mình trong dòng chảy của thơ ca dân tộc. Trung dụng những tính ưu trội của hình thức văn bản văn xuôi (kể, tả, nghị luận, đối thoại,...) thể thơ này đã bao chứa, chuyển tải một cách đầy đặn, tự nhiên, thoải mái những tư tưởng tình cảm của con người thời hiện đại. Những cái tôi cá nhân đang muốn “*khẳng định mình mà cũng muốn được cộng đồng chấp nhận*” đã tìm được một hình thức thuận lợi để có thể trực tiếp kể lể, giải bày. Nó bắt đầu từ tiếng lòng thổn thức của một tình yêu tan vỡ mà hai mươi bốn năm sau gặp lại vẫn còn đầy nuối tiếc: *Liếc đưa nhau đi rồi, con mắt còn có đuôi (Tình già - Phan Khôi)*. Nó như dòng thác cảm xúc khi lặng lẽ, khi cuộn trào mang chở bao nỗi niềm khát khao giao cảm với cuộc đời của thi nhân. Trong thơ văn xuôi Xuân Diệu, những nỗi niềm này được biểu hiện khá phong phú. Khi thì miên man chìm đắm trong những liên tưởng tình yêu (*Đóa hồng nhung, Đôi bướm*), khi say sưa ca ngợi vẻ đẹp của đất trời (*Lệnh*), khi lo âu phấp phỏng trước cái hữu hạn của tuổi trẻ đời người (*Giã từ tuổi nhỏ*), khi bùi ngùi thương cảm cho những mảnh đời bất hạnh (*Thương vầy*),... Tâm tư, tình cảm của con người cá nhân bản ngã càng về sau càng phong phú và đậm lại, sâu lắng hơn trong những trang trải của những “câu chuyện lòng” mà chủ thể trữ tình nói với *anh*, với *em*, với *mẹ*, với *con*, với người tình, và đặc biệt là với chính mình. Trong *Tự khúc* của Tùng Bách hay *Con Xà Mâu tội nghiệp* của Thu Bồn là những suy tư, chiêm nghiệm của cái tôi trữ tình về thân phận và sự thế, *Dự cảm* của Cáp Xuân Tú là sự thâm thía về nỗi cô đơn. Đằng sau *Giọt im lặng* và *Cho ngày cuối* của Bùi Kim Anh là những cảm nghiệm cay đắng về duyên phận; *Giới thiệu, Trong đêm, Thư gửi mẹ và những nắm tro tàn* của Lê Văn Ngăn là những nỗi niềm, tâm sự của đứa con luôn hướng về mẹ; hay *Chẳng ước bàn tay vàng* (Ngọc Cẩn), *Bé con* (Nguyễn Kim Huy) lại là tâm tình tràn ngập yêu thương của những người cha,... Riêng tình yêu, vốn là niềm khao khát mãnh liệt nhất của những cái tôi bản ngã nên nó không thể thiếu trong tiếng nói của thơ văn xuôi thuộc hệ hình này. Đó là thứ tình yêu rất đời, rất thực trong thơ của Nguyễn Sa, là những *Khúc tình yêu* (Nguyễn Trí Đan), *Hoa sữa* (Lương Ngọc An), *Thu Apollinaire* (Trần Ngọc Tuấn), *Vườn thu mưa* (Ngô Thị Ý Nhi), *Bài tango ly biệt* (Lê Minh Quốc), *Bến xưa* (Trịnh Thanh Sơn), *Tình yêu không lời hứa* (Vũ Duy Thông), *Vẫn thơ tình viết về người đàn bà không có tên* (Lư Quang Vũ),...

Song, tiếng nói của cái tôi bản ngã trong thơ văn xuôi Việt Nam tiền hiện đại không chỉ hạn định trong những câu chuyện riêng tư đôi lứa, gia đình mà còn hướng về mạch nguồn những tình cảm khác như tình đối với quê hương đất nước, với đồng đội,... Hình tượng *mẹ quê hương* đã xuất hiện trong ***Giọt lệ Hoàng Mai*** của Huy Cận thời Thơ mới, rồi những hình ảnh quê hương điêu đứng, hoang tàn trong khói lửa chiến tranh ở thơ miền Nam như ***Nói với Huế*** (Thái Ngọc San), ***Sau chuyến đi dài, Phương trời đã mất*** (Lê Vĩnh Thọ),... Trong thơ văn xuôi Chế Lan Viên là hình ảnh một đất nước Việt Nam đang thay da đổi thịt, vươn mình sau cuộc hồi sinh và một Việt Nam hào hùng trên tuyến đầu chống Mỹ. Giai đoạn sau 1986 là hình ảnh của quê hương trong cảnh thanh bình ngát hương hoa ổi, êm đềm với những dòng sông, quê hương gắn với tuổi thơ nơi quê ngoại trên những trang thơ ***Nhớ chùm hoa ổi trắng*** (Lê Hoàng Anh), ***Sông quê*** (La Quốc Hán), ***Quê ngoại và tuổi thơ*** (Nguyễn Văn Hoa),... Tập thơ của Lê Văn Ngăn, như nhan đề của nó - ***Viết dưới bóng quê nhà***, cũng đầy ắp bóng hình quê hương. Với một hồn thơ hồn hậu, thơ viết về quê hương của tác giả này qua những bài ***Thư về quê hương, Nhà cũ, Ở Huế, Cổ hương một buổi chiều êm đềm*** thật sự có khả năng lay thức ở người đọc thứ tình cảm thiêng liêng này: *Nơi tôi có một mái nhà từ quá khứ, người mẹ đêm đêm thức dậy dưới nền trời sao, nhen lên bếp lửa đầu ngày / Nơi anh em, dù lưu lạc nơi đâu, vẫn chờ tiết lập xuân tìm về chốn cũ / Nơi mở ra những ngã đường dẫn về người bạn người yêu/ Nơi sự sống sự chết vẫn nối kết nhau trong dòng đời bất tận / Nơi tâm hồn mỗi con người không chỉ giới hạn trong mỗi con con người / Nơi ấy, dưới vầng sáng của một mối tình lớn lao tôi thầm gọi quê hương yêu dấu (***Thư về quê hương***).*

Bên cạnh những dòng thơ viết về quê hương, thì tình cảm dành cho những người nằm xuống trong chiến tranh cũng được chia sẻ đầy ám ảnh qua ***Viết từ thành cổ*** (Nguyễn Hữu Quý), ***Trên đồi AI*** (Hoàng Cát), đặc biệt là ***Những cánh rừng nhiều đom đóm bay*** (Nguyễn Đức Mậu). Và không chỉ viết cho những người nằm xuống, thơ văn xuôi cũng dành cho những người đang chiến đấu, cho cả những người từ chiến cuộc trở về. Đó là những lời tự thuật về cuộc đời người lính trong đoạn thơ văn xuôi của trường ca ***Đường tới thành phố*** (Hữu Thịnh). Đó là sự ngưỡng vọng mà cũng là những trăn trở day dứt về số phận người anh hùng khi về với đời thường, tiêu biểu là ***Thánh Gióng về trời*** (Phạm Hồ) và ***Thánh Gióng trở về*** (Đỗ Minh Tuấn). Ở ***Thánh Gióng trở về***, tác giả đặt vấn đề không mới nhưng cách viết lại thật nhức nhối: ... - *Hỡi các anh em! Anh em có biết vì sao ta lại bay lên trời sau ngày chiến thắng? / Nếu ở lại mặt đất khổ đau, thì ta sẽ sống trong căn lều dột nát với mẹ ta, hay sẽ sống trong viện bảo tàng? Viện bảo tàng giữ được ngựa sắt, nhưng có thể nào giữ được lửa trong ngựa sắt? / Những người thợ rèn thích kể công có thể sẽ đến nhận vết búa của mình trên vỏ ngựa, nhưng không ai dám nhận ngọn lửa là của riêng mình/ Nhưng mái tranh kia có thể nào chứa được ta với con ngựa ngàn năm vẫn còn rực lửa? Hay lửa sẽ lụi đi, con ngựa sắt sẽ trở nên nguội lạnh và ta thì bé lại để nằm vừa chiếc chõng đá ngày xưa?*

Có thể thấy, thơ văn xuôi Việt Nam thuộc hệ hình tiền hiện đại đã đồng hành với cái tôi bản ngã gần suốt một thế kỉ qua. Những tâm tư, khát vọng, những vui buồn, hạnh phúc, những

suy tư, chiêm nghiệm về thân phận, về cuộc đời đều đã được nó chuyển tải một cách đầy đặn trên những trang viết với nhiều hình thức phong phú, đa dạng.

## **2. THƠ VĂN XUÔI VIỆT NAM TIỀN HIỆN ĐẠI NHÌN TỪ KIỂU TƯ DUY**

Thơ ca thuộc hệ hình tiền hiện đại là kiểu thơ truyền cảm, lấy cái tôi chủ thể làm trung tâm quan sát thế giới, bày tỏ cảm xúc của mình trước thế giới. Chủ thể trữ tình gửi thông điệp vào bài thơ và bài thơ với vai trò “trung chuyển”, đem bức thông điệp ấy đến người đọc - những tri âm của nó. Do đó, kênh dẫn truyền ở đây cần phải được thông suốt - tức tư duy của thơ ca thuộc hệ hình này phải là *kiểu tư duy liên tục, tư duy tuyến tính*.

Tư duy liên tục, tuyến tính là kiểu tư duy coi trọng sự tuần tự, mạch lạc. Thuật, tả đều phải tuân theo trật tự cảm xúc của những yếu tố, sự kiện trong bài. Mọi yếu tố hiện diện đều phải đảm bảo tính logic cũng như mối quan hệ giữa từ với từ, câu với câu, giữa các đoạn hay hình ảnh... phải rõ ràng, chặt chẽ. Với kiểu tư duy này, đọc bài thơ, người đọc chỉ cần bám theo câu chữ có thể thấy được tâm tư, tình cảm của chủ thể. Có thể nói, đọc kiểu thơ này là ta nhìn trộm trái tim hay đọc tâm hồn, tư tưởng tác giả. Tư duy liên tục thể hiện trong thơ văn xuôi tiền hiện đại rõ nhất qua việc tổ chức văn bản thơ - cụ thể là cách xây dựng hình tượng nghệ thuật và cách tổ chức ngôn ngữ cũng như qua việc bảo lưu phần nào tính thơ, tính nhạc ở thể thơ này – như một chất “bôi trơn” trong vai trò truyền dẫn cảm xúc.

### **2.1. Chặt chẽ, mạch lạc trong xây dựng hình tượng thơ**

Theo Hà Minh Đức “*hình tượng thơ văn xuôi thường có khuynh hướng đi từ hình tượng cảm xúc sang hình tượng suy nghĩ*” [2,161], tức nó vận động từ tình cảm sang lí trí. Nhà thơ xây dựng hình tượng là hướng đến biểu hiện một ý niệm hay một tư tưởng cụ thể nào đó. Có thể gọi nó là hình tượng ý niệm. Bên cạnh loại hình tượng ý niệm này, trong thơ văn xuôi cũng thường xuất hiện dạng hình tượng miêu tả, loại hình tượng được xây dựng thiên về miêu tả kết hợp với các biện pháp so sánh, ẩn dụ, ...

Trong thơ văn xuôi tiền hiện đại, dù hình tượng xuất hiện ở dạng nào, nó cũng được xây dựng một cách chặt chẽ. Biểu hiện của sự chặt chẽ ở đây là hình tượng thơ thường đơn tuyến, vận động một cách tuần tự, các chi tiết, hình ảnh xuất hiện lần lượt là để bồi đắp, khắc tạc làm cho hình tượng hiện lên càng lúc càng đầy đặn, sống động. Cũng có thể xuất hiện những liên kết tự do, liên tưởng bất ngờ hay những vận động tăng cường đột xuất song mạch thơ luôn phát triển phù hợp với quy luật bên trong của cảm xúc, của suy nghĩ, phù hợp với diễn biến khách quan của hoàn cảnh hay sự việc nhất định. Và thế mạnh của thơ văn xuôi được phát huy ở đây là cấu trúc văn phạm của câu thơ văn xuôi nghiêng về văn xuôi nên có thể mở rộng thành phần một cách tối đa theo trường liên tưởng, suy tưởng của tác giả, có thể sử dụng liên từ, kết từ nếu cần - điều kiêng kị trong thơ luật; bài thơ cũng có thể kéo dài tùy ý theo dòng chảy cảm xúc. Chính vì vậy mà hình tượng trong thơ văn xuôi thường xuất hiện với sự đầy đặn, giàu tính tạo hình với hình tượng miêu tả và sâu sắc, giàu sức thuyết phục ở loại hình tượng ý niệm. Thử đọc

**Tám ảnh thời thanh xuân** của Nguyễn Trọng Tạo[3, 276], ta thấy đa phần các câu đều có sự xuất hiện của thành phần phụ có ý nghĩa mở rộng. Và ngay ở thành phần phụ này cũng chứa những thành phần mở rộng trong đó. Thêm vào đó, còn có sự xuất hiện của những liên từ hỗ trợ đắc lực cho việc lập luận. Rõ ràng, để lí giải vì sao *anh muốn được xem những tám ảnh thời thanh xuân của em* thì tác giả chỉ cần nêu ra ở phần đầu mỗi câu là đủ hiểu: vì nó *mang lại cho anh nụ cười tuổi mười bảy, mang lại cho anh thân thể em tuổi hai mươi đầy đặn, mang lại cho anh mái tóc em ngày xưa mềm như dòng suối chảy* hay *mang lại cho anh ngày tháng đã trôi qua...* Song ở bài thơ, đằng sau mỗi câu tưởng đã đủ nghĩa ấy là thành phần chú giải mà trong đó có chứa cả thành phần trạng ngữ, có phép lặp, những liên tưởng so sánh, có cả *nếu không ... thì cũng, mà như, chứ không phải...* Tận dụng thế mạnh này của câu văn xuôi nên hình tượng “*hạt nổi nhớ xanh biếc*” của bài thơ thật sự đã bật mầm lung linh, sống động.

Trong sáng tác thơ văn xuôi của Xuân Diệu, hình tượng thường được khắc họa sinh động, nổi bật do phát huy được thế mạnh của thể loại. Như ở **Hoa học trò** chẳng hạn. Tuy nhiên, dù được miêu tả hết sức thơ mộng, được cảm nhận một cách vi tế, sâu sắc với những liên tưởng so sánh bất ngờ, thú vị (*Màu phượng chói lói, sinh sống như sắc máu người, mùa hè thét lên những tiếng lửa, hoa học trò thả những cánh son...*) song nó vẫn chưa bút thoát ra xa đặc điểm của đối tượng. Ngay cả khi đặt lại tên cho nó là *hoa học trò* thì tác giả cũng xuất phát từ chi tiết rất thật, rất dễ liên tưởng: loài hoa gắn bó sâu sắc với tuổi học trò. Mở rộng ra ở những bài **Lệnh** hay **Đẹp trai**... ta cũng thấy rõ đặc điểm này. Có lẽ đây là đặc điểm của thơ văn xuôi Xuân Diệu, dạng *thơ văn xuôi mở rộng, nằm ở cực văn xuôi*. Với dạng này, yếu tố tả thực còn được thể hiện đậm song không phải vì thế mà nó kém đi sự hấp dẫn. Là con người luôn nhìn trời đất như một chốn địa đàng mê đắm, cái gì ở đó cũng đẹp, cũng say, cái nhìn ấy đã đem đến cho hình tượng thơ Xuân Diệu, đặc biệt là hình tượng thiên nhiên trở thành những bức tranh đầy màu sắc. Và rõ ràng với **Hoa học trò**, người đọc sẽ khó có thể quên được hình ảnh rực rỡ, thắm tươi của một trời hoa phượng gắn với lứa tuổi thần tiên của đời người.

Còn với Chế Lan Viên, bài thơ văn xuôi nào của ông cũng ngôn ngôn lí lẽ với những lập luận, suy luận, tranh luận đậm màu sắc duy lí, thể hiện năng lực suy nghĩ dồi dào. Chất nghĩ - mà ở đây là chất luận trong thơ ông rất sắc sảo, khúc chiết, thuyết phục và cũng đầy ám ảnh nhờ vào sự sắp xếp bố cục, cách lập luận, sự suy tưởng, liên tưởng và cả sự hỗ trợ của yếu tố ngữ điệu. Có thể nói, hình tượng trong thơ văn xuôi Chế Lan Viên được xây dựng một cách chặt chẽ, logic, thể hiện rất rõ kiểu tư duy tuyến tính. Như ở **Cành phong lan bể**. Tư tưởng bao quát của bài thơ là niềm tự hào, ngợi ca vẻ đẹp, giàu của một vùng đất, qua đó là niềm tự hào về cuộc sống hiện tại, là tình yêu sâu đậm đối với đất nước, quê hương. Tư tưởng ấy được triển khai cụ thể, chặt chẽ qua các bước lập ý: mở đầu là sự khẳng định tình yêu đối với đất nước. Tiếp đến, tác giả đi vào vùng đất cụ thể: Cẩm Phả, Cửa Ông, một *Vùng Mơ - Vùng Thơ*. Đoạn thơ này tập trung ngợi ca vẻ đẹp giàu của trời biển Hạ Long: vẻ đẹp của cảnh sắc thiên nhiên, sự giàu có của tài nguyên biển. Và trong niềm tự hào về vùng mỏ hôm nay, chủ thể trữ tình có lúc hồi tưởng về những tủi buồn của vùng mỏ xưa khi bị giặc thù chiếm giữ. Đoạn thơ sử dụng phương thức kể, tả, phép liệt kê, so sánh, ẩn dụ, nhân hóa, câu hỏi tu từ, đặc biệt là những liên tưởng bay bổng

không chỉ làm nổi bật màu sắc, đường nét, không gian, cảnh vật mà còn rạo rức cảm xúc ngợi ca, tự hào. Đoạn còn lại là những liên tưởng hướng về một viễn cảnh đầy hứa hẹn của vùng đất giàu đẹp này - một thành phố tương lai. Nhìn chung, hình tượng trong bài thơ là hình tượng đơn tuyến, vận động tuần tự, cũng có xuất hiện những liên tưởng độc đáo, bất ngờ (Những hồi tưởng đối lập xưa - nay, những liên tưởng bay bổng) song, tất cả vẫn nằm trong mạch cảm xúc, suy nghĩ của tác giả: tự hào về vẻ đẹp, giàu của quê hương.

Nhìn chung, với kiểu tư duy liên tục thì cách xây dựng hình tượng thơ phải tập trung, nhất quán, mạch cảm xúc, liên tưởng thường đi theo một trình tự nhất định.

## **2.2. Chặt chẽ, mạch lạc trong tổ chức ngôn ngữ**

Trên phương diện tổ chức ngôn ngữ, tư duy liên tục thể hiện trước hết ở sự lựa chọn ngôn ngữ. Đó phải là thứ ngôn ngữ trong sáng, rõ nghĩa, biểu hiện được trực tiếp thái độ, tư tưởng, tình cảm của nhà thơ cũng như phản ánh chân thật, sinh động hiện thực cuộc sống. Văn học tiền hiện đại chủ yếu chú trọng nghĩa, tức phương diện nội dung. Làm nên giá trị tác phẩm thuộc hệ hình này là vấn đề tư tưởng. Thơ ca tiền hiện đại cũng không ngoại lệ.

Song, nói như vậy không có nghĩa là loại ngôn ngữ trong sáng rõ nghĩa là “đặc sản”, “đặc quyền” của riêng thơ ca hệ hình này. Chỉ là với vai trò bình chứa, bình thông hơi, chuyển ý tưởng từ tác giả sang người đọc thì thứ ngôn ngữ mờ đục, rối rắm, hay giàu ám gợi sẽ không thể hoàn thành sứ mệnh tốt như nó. Thử chứng minh bằng hai câu thơ của Bùi Giáng sau: *Nửa vòì trắng mộng mộng lung/Đường hoa nghi hoặc tháp tùng ni cô*. Với hai câu thơ này, người đọc không dễ dàng xác định điều nó phản ánh hay tư tưởng của tác giả vì tất cả đều không rõ ràng. Câu thứ nhất sắc thái nghĩa mơ hồ: có ba từ thì *nửa vòì*, *mộng lung* đã là những từ không xác định, còn *trắng mộng* thì lại nhòe nghĩa - mộng ở đây là mơ mộng hay chiêm bao hay thơ mộng? Câu thứ hai cũng thế, nhà thơ dùng biện pháp nhân hóa (*đường hoa tháp tùng*) hay thủ pháp nghịch đảo (*ni cô tháp tùng*)? Không có cơ sở nào để khẳng định. Và nếu có chấp nhận cả hai cách hiểu thì điều tác giả muốn phản ánh cụ thể trong câu thơ là gì? Không ai có thể khẳng định là mình thấu đáo. Trong bài thơ văn xuôi *Bữa hôm nay* cũng của Bùi Giáng, mở đầu bằng câu thơ với từ ngữ có vẻ dễ hiểu hơn nhưng cũng không dễ dàng xác định cái được biểu đạt của nó: *Bởi vì em ạ. Hôm mừng ba mừng bốn theo nhau đẩy lùi mừng một mừng hai của ngày hôm nay Nguyễn Đan* [3]. Chữ nghĩa của câu thơ không được tác giả sắp xếp theo trật tự thông thường, mà đi ngược chiều thời gian nên chỉ là xác định thời điểm nào chủ thể phát ngôn thôi, người đọc cũng đã khựng lại.

Có thể nói, tính chất trong sáng, rõ ràng, đơn nghĩa là điều kiện đầu tiên mà ngôn ngữ thơ ca tiền hiện đại hướng đến lựa chọn. Song, với chức năng là miêu tả khách thể cũng như trình bày cảm xúc một cách trực tiếp, ngôn ngữ tiền hiện đại còn phải là loại ngôn ngữ giàu hình ảnh, màu sắc, giàu tính biểu cảm. Giàu hình ảnh, màu sắc để có thể tái hiện sinh động hiện thực, giàu giá trị biểu cảm để dễ giải bày, bộc lộ tâm tình cũng như đưa người đọc *chui theo dòng cảm xúc* cùng tác giả. Tiêu biểu là thứ ngôn ngữ của *Cành phong lan bể* của Chế Lan Viên:

*Xanh biếc màu xanh, bẻ như hàng nghìn thu qua còn để tâm hồn nằm đọng lại  
Sóng như hàng nghìn trưa xanh, trời đã tan xanh ra thành bể và thôi không trở lại làm  
trời*

*Nếu núi là con trai thì bể là phần yếu điệu nhất của quê hương đã biến thành con gái  
Mỗi đêm hè, da thịt sóng sinh sôi [3,103].*

Ngôn ngữ trong đoạn thơ là loại ngôn ngữ giàu màu sắc, hình ảnh và đặc biệt là giàu nhạc điệu, một phương diện của tính biểu cảm. Nhịp thơ linh hoạt; những câu thơ bắt vần khi gần, khi xa; phép lặp xuất hiện liên tục, sự hòa phối thanh điệu (B – T, cao – thấp) cũng hết sức đăng đối làm cho đoạn thơ cứ ngân nga. Cảm xúc tự hào không chỉ toát lên từ những hình ảnh của trời biển quê hương mà còn ở chính sự bay bổng, ngân nga của nhạc điệu. Ngôn ngữ trong **Cảm thu** của Đinh Hùng lại là thứ ngôn ngữ êm mượt, cứ như ru lòng người:

*Tôi vẫn ngỡ như không sự đổi thay, vì thấy mình đi trên đường này, thu năm nay, giữa lúc cây vàng rơi lá. Đường nay hiu hắt, tôi đem lòng về để gặp mùa thu thương nhớ cũ, và may cũng thấy thu về để nước hồ xanh. Chân ai đi xa vắng đằng kia, hay đó chỉ là gió thoảng mong manh. Và gió nào vương vấn hồn tôi, hay cũng chỉ là dư thanh của một ngày xưa cũ... [3,11].*

Đoạn thơ có đến hai phần ba âm tiết mang thanh bằng (53B, 26T), cùng với lối bắt vần liên tục (*thay - thấy - này - nay - cây - nay - may - ai - ngày, xanh - manh - thanh*) dịch chuyển ở những vị trí tự do đã tạo nên sự nhịp nhàng, uyển chuyển, âm vang, dẫn dụ người đọc vào thế giới của du dương, của cảm xúc một cách độc đáo.

Bên cạnh sự lựa chọn loại ngôn ngữ trên, tư duy liên tục thể hiện qua tổ chức ngôn ngữ còn thể hiện ở việc sử dụng thường xuyên lớp ngôn từ thuần túy mang chức năng ngữ pháp. Chính lớp từ này có vai trò quan trọng trong việc đảm bảo tính logic cho những phát ngôn thơ. Đó là loại từ nối, từ đệm, từ lập luận dùng để dẫn dắt từ ý trước qua ý sau, hoặc tạo khoảng ngưng lặng hoặc nối kết các vế câu, lí giải các mối quan hệ rành mạch, khúc chiết:

*Em có thể để phấn hồng trên má, trên áo màu những vòng kim tuyến kết hoa đăng.*

*Nhưng nếu vội vàng mà em để vành môi tái nhợt, mớ tóc bù tung. Thì có hại gì đâu em? Cuộc hành trình sẽ khởi vào đêm khuya. Tôi không nhìn thấy má hồng non vì còn mãi mê với tất cả em tràn đầy trong đáy mắt (Mời – Nguyễn Sa) [6,100].*

Như vậy, ở bình diện ngôn ngữ, việc sử dụng loại ngôn ngữ trong sáng, đơn nghĩa đã giúp thơ văn xuôi tiền hiện đại dễ dàng truyền tải thông tin, miêu tả hiện thực, cùng loại ngôn ngữ êm mượt, giàu chất thơ như một chất “bôi trơn” và những từ quan hệ với vai trò nối kết, dẫn dắt, tạo sự liên tục trong nối kết ý. Tất cả, có thể nói, đã trở thành phương tiện tối ưu để đảm trách vai trò “trung chuyển” của kiểu thơ đi từ mô hình **Nghĩa** -> **Chữ** này [8, 44]. Tư duy liên tục hiện diện ở đây bằng chính sự rành mạch, khúc chiết ở các phát ngôn thơ được hình thành từ chính loại ngôn ngữ trên.

### 2.3. Cấu trúc du dương

Thơ văn xuôi tiền hiện đại – nằm trong kiểu thơ truyền cảm. Bài thơ ra đời không phải để mang đến một cái nhìn về thế giới, về đời sống ở một chiều kích khác như ở thơ hiện đại mà chỉ đơn thuần là mô phỏng hiện thực, tự biểu hiện tâm tình, chờ đợi sự đồng cảm, chia sẻ từ những tri âm. Với chức năng ấy nên vấn đề bảo lưu phần nào nhạc điệu cho phần lời ở thể thơ này, có thể nói là ý thức của người làm thơ văn xuôi thuộc hệ hình này.

Nhạc điệu trong thơ nói chung thường được tạo lập từ những hạt nhân phổ quát: vần điệu, nhịp điệu, thanh điệu, kể cả ngữ điệu cá nhân. Với những yếu tố đó, thơ văn xuôi coi trọng nhất là nhịp điệu, vì nếu không có nhịp điệu nó sẽ thành văn xuôi. Tuy vậy, nhịp điệu ở thơ văn xuôi không phải là những “bước thơ” cố định theo mô hình lẻ – chẵn. Nó tự do và khó xác định bởi chủ yếu nó là nhịp cảm xúc, nhịp ý tưởng chứ không phải nhịp lời, nhịp âm thanh. Về vần điệu, thơ văn xuôi cũng không đặc biệt xem trọng vì nó không lấy vần làm tiêu chí phân biệt hay đánh giá dù thỉnh thoảng vẫn có những bài thơ văn xuôi xuất hiện ở dạng có vần. Còn thanh điệu, có thể nói, thơ văn xuôi coi việc phối thanh bằng trắc là cần thiết để tạo sự hài hòa. Song, ở đây nó cũng không tuân theo luật bằng trắc mà cũng hòa phối rất tự do theo cảm xúc của nhà thơ. Có thể nói, yếu tố văn xuôi trên hình thể của thể thơ này đã chi phối nhiều trong việc tạo nên nhạc điệu cho bài thơ, nhạc điệu chủ yếu của nó là thứ nhạc bên trong. Song, nếu thỉnh thoảng ta bắt gặp những bài thơ còn có sự xuất hiện của vần, hay những bài thơ có sự hòa thanh du dương, reo rắt, những bài thơ mà nhịp điệu còn hằn nổi trên bề mặt âm thanh ngôn ngữ thì hầu hết nó đều nằm ở hệ hình thơ ca này:

*Thời gian trắng chỉ một chiều đóng mở, kiếp sinh thành sướng khổ nói nhau trôi, cái vô cùng: Trời, Đất hay Con Người, mà sự thể xoay vần lừng khó nổi.*

*Chân lí tan ra thành bụi khói... (Thời gian trắng – Hoàng Tuấn) [3, 140].*

Những câu thơ văn xuôi này vẫn còn tựa lưng vào vần và vẫn giữ vai trò thiết lập nhịp điệu ở đây. Và nhờ khả năng *bắt vần* này mà các dòng thơ rung ngân những giai điệu. Nguyên lí tương đương của thơ ca cũng được cụ thể hóa qua hiện tượng song song của âm tiết tạo thể liên vận giữa những câu thơ: *mở / khổ; trôi / Trời; Người / nổi, ...*

Song, tạo nhạc điệu cho thơ văn xuôi theo kiểu bắt vần (vần lưng hay vần chân) giữa các câu thơ như thế chỉ có ở số ít bài như: *Hoa sữa* - Lương Ngọc An, *Thời gian trắng* – Hoàng Tuấn, *Bài tanggo ly biệt* - Lê Minh Quốc, *Sông quê* - La Quốc Hán, *Bến xưa* - Trịnh Thanh Sơn, *Tự Khúc* - Tùng Bách. Còn lại đa số chỉ xuất hiện ở một vài đoạn trong bài như *Giao lại* – Xuân Diệu, *Gọi em* hay *Bài già biệt* - Nguyễn Sa...

Nhạc điệu trong thơ văn xuôi tiền hiện đại chủ yếu được thiết lập từ sự hòa phối thanh điệu: sự luân phiên bằng - trắc nhịp nhàng ở những âm cuối nhịp:

*Chiếc chìa khóa mắt buồn (B)/ đưa vào đêm vắng(T)//. Trong gian phòng dĩ vắng(T)/ em sẽ tìm đến nơi anh(B)//. Anh đã nghe tiếng chân em đi(B): đúng là âm thanh của đôi giày ngắn ngai(T)/, đúng là bước chân nai(B)/ trên lá thu vàng (B)//(*Bài già biệt*) [6,102].*



*Thanh điệu* cũng tạo nên nhạc điệu đầy ám ảnh khi nhà thơ chọn thanh bằng hay thanh trắc làm chủ âm. Thanh bằng có độ vang xa tạo dòng chảy âm thanh liền mạch. Khi ở vai trò chủ âm nó điều hòa dòng chảy âm thanh về trạng thái thăng bằng. Ngược lại thanh trắc có độ vang hạn chế, tuy âm phát ra mạnh nhưng năng lượng yếu, dòng chảy âm thanh bị ngắt mạch. Ở vai trò chủ âm nó tạo nên điệu thơ ở thể chêngh vêngh, gấp khúc. Bài thơ **Vườn thu xưa** của Ngô Thị Ý Nhi có chủ âm là thanh bằng như một khúc nhạc buồn, một nỗi buồn mêngh mang như đang vây chặt trái tim thôn thức. Ngược lại, **Gửi biển** của Ngô Thế Oanh có chủ âm là thanh trắc. Cái điệu trúc trắc, chêngh vêngh của nó độc đáo trong việc biểu hiện một tâm hồn, một cuộc đời không yên tĩnh.

Ở thơ văn xuôi của Xuân Diệu, nhạc tính của nó được lưu giữ rất đậm qua sự tạo lập tính hài hòa, cân đối giữa bằng – trắc ở cuối mỗi nhịp thơ và đặc biệt qua sự trùng điệp của từ ngữ, hình ảnh, tức nhịp điệu:

*Anh giao cho em hai hàng cây xanh, bóng rớt mát như tóc chảy; anh giao cho em khoảng vườn hoang dại, để những chiều hờn bạn, ra ngòi đó mà tui thương. Đây là đóa hoa, thơm như tình ái; đây là hạt sương, đây là con bướm, đây nữa đàn chim. Anh giao cho em bụi chuối sau trường, hạt trắng vắng rơi lách tách; khóm dứa trước cổng, tóc gió chảy qua những chiếc lược xanh. Anh giao cho em mây sớm an lành; anh giao cho em nắng vàng thương nhớ. Và giao cho em cả gió, cả trăng (Giao lại – Xuân Diệu) [1, 149].*

Ở phương diện này, thơ văn xuôi Xuân Diệu có đặc điểm nổi bật: đó là nhịp đối xứng thường đi cùng nhịp trùng điệp. Sự kết hợp này rất thường xuyên như ở các bài **Giao lại**, **Lệnh**, **Đẹp trai**... Chất nhạc của âm thanh thể hiện qua nhịp đối xứng cộng hưởng với nhịp chảy cuộn cuộn của cảm xúc thơ qua nhịp trùng điệp đã tạo nên những giai điệu vừa thiết tha vừa sôi nổi, rạo rức rất đặc trưng của hồn thơ này.

Thơ văn xuôi giàu chất sự của Nguyên Sa cũng thường được “bôi trơn” bằng một chất nhạc du dương. Chất nhạc này được tạo lập chủ yếu ở sự hòa phối âm thanh qua sự đáp đối luân phiên bằng trắc, đặc biệt là qua phép lặp. Tám bài thơ văn xuôi của Nguyên Sa bài nào cũng sử dụng phép lặp, thậm chí ở bài **Ngoài tầm** có 16 câu thì 14 câu đầu được kiến tạo bằng mô hình lặp cú pháp. Phép lặp này có khi kết hợp với bước thơ dài và số âm tiết mang thanh bằng cũng xuất hiện áp đảo, tạo nên thứ nhịp như chà, miết nổi đau (**Bài già biệt**), hay như tiếng thơ dài mệt mỏi cố ghìm nén (**Sám hối**). Cũng có khi nó kết hợp với nhịp thơ ngắn tạo âm hưởng rộn ràng, rạo rức (**Gọi em**).

Nhìn chung, nhạc điệu của thơ văn xuôi Nguyên Sa cũng giống như thơ văn xuôi Xuân Diệu chủ yếu được tạo lập trên phương diện hình thức lời thơ.

Như vậy, có thể thấy, mặc dù là thể thơ có hình hài văn xuôi, song thơ văn xuôi tiền hiện đại thật sự còn lưu giữ được nhiều chất thơ, chất nhạc từ lời thơ. Điều này khác với thơ văn xuôi thuộc hệ hình hiện đại. Thơ văn xuôi hiện đại với kiểu tư duy nhảy cóc, đứt đoạn, thường là những cấu trúc không vắn nên chất nhạc đã thật sự mất đi tính du dương, mềm mại. Nhạc

không phô ra trên bình diện ngữ âm như ở hệ hình này mà đa phần toát từ hình tượng của bài thơ, từ cảm xúc của tác giả. Chẳng hạn đoạn thơ sau: *Mỗi đứa trẻ con ngồi ngay trên xác xe tăng bút cò gà chơi trò “chơi gà” quen thuộc của chúng. Những người yêu nhau nằm trên cỏ, mãi sau này, giây phút thơm mùi cỏ ấy sẽ đi vào đời họ như một trong những kỉ niệm đẹp nhất. Và thằng em tôi năm hai mươi tuổi, em nằm giữa trăng cỏ, miệng ngậm cọng cỏ may, đối diện với buổi chiều ở một dòng sông lạ. Cả buổi chiều và em đều im lặng. Bây giờ, em ở đâu? Tôi biết, chiến tranh chẳng phải trò chơi, mùa xuân ấy đang chuẩn bị những trận tấn công quyết định. Em mới hai mươi tuổi, trong mắt em, cọng cỏ tầm thường bỗng lấp lánh (Cổ văn mọc – Thanh Thảo).*

Với trích dẫn này, ta thấy, đã không còn có sự hiện diện của yếu tố vần điệu. Cũng không có sự lặp lại đều đặn các bước sóng âm thanh dù ở một cấp độ nào: âm tiết, thanh điệu, tiết tấu hay cấu trúc, tức kiểu nhịp điệu bên ngoài. Chất thơ, chất nhạc ở đây được tạo nên từ chính cảm xúc của nhà thơ, từ hình ảnh của đoạn thơ. Bằng trái tim thấu hiểu, sẽ chia âm áp, tác giả đã lưu giữ được những khoảnh khắc thật đẹp của cuộc đời: trò chơi chơi gà của trẻ, mùi cỏ thơm thắm đắm kí ức những kẻ yêu nhau, hình ảnh em tôi, tuổi hai mươi, nằm ngậm cỏ may thanh thảo, im lặng ngắm trời chiều nơi dòng sông lạ. Những hình ảnh nên thơ được lưu giữ tạo nên dòng chảy ngọt ngào, làm nên chất thơ chất nhạc ngân nga tâm hồn người đọc. Đoạn thơ sau của Nguyễn Quang Thiều, chất nhạc còn khó cảm nhận hơn bởi nó không chỉ tước bỏ hết vần luật, sự đặng đối, hài hòa mà ngay cả những hình ảnh gợi lên chất thơ chất nhạc cũng không có: *Chúng ta từng tìm kiếm mọi con đường, nhưng chưa bao giờ kiếm tìm con đường của cá. Giấc mơ chúng ta đầy sự xếp đặt và không dám bay lên những đỉnh cây. Và đêm nay trong tiếng sông và tiếng bầy cá. Chúng ta bỏ những ngôi nhà và đứng dọc hai bờ. Một con cá nổi lên hỏi chúng ta cần gì không? Câu hỏi ấy sẽ làm ta khóc cho tới sáng (Nhân chứng của một cái chết).* Chất nhạc trên phương diện hình thức đã bị xóa, chất thơ biểu hiện qua hình ảnh cũng không tồn tại. Chỉ còn những xao động của sóng lòng, những ám ảnh trần trụi của tâm hồn tác giả truyền dẫn qua tâm trí người đọc. Có thể nói, đã là thơ thì tất phải mang phẩm tính của thơ, song ở mỗi hệ hình, đều có cách thể hiện của nó. Với thơ văn xuôi thuộc hệ hình tiền hiện đại thì cấu trúc thơ vẫn còn là “cấu trúc âm vang”, cấu trúc du dương được tạo nên từ thứ âm thanh mê hoặc của lời thơ. Đặc điểm này trở thành con đường ngắn nhất để độc giả có thể chuỗi theo dòng cảm xúc cùng tác giả. Và tính liên tục của kiểu tư duy thơ tiền hiện đại cũng thể hiện trong chính đặc điểm này.

### 3. KẾT LUẬN

Tóm lại, nhìn từ kiểu tư duy, thơ văn xuôi tiền hiện đại Việt Nam có kiểu tư duy liên tục, thể hiện rõ ở cách xây dựng hình tượng theo tuyến tính, ở kiểu ngôn ngữ trong sáng, rõ nghĩa, cú pháp xuôi chiều, liền mạch, đảm bảo tính logic. Và do được quan niệm là công cụ phản ánh thế giới biểu kiến, cũng là công cụ truyền dẫn cảm xúc nên thơ văn xuôi tiền hiện đại mặc dù tồn tại dưới dạng thức là những văn bản văn xuôi nhưng yếu tố thơ vẫn còn đậm –

không chỉ ở phẩm tính là thơ của nó mà cả ở những dấu hiệu hình thức thể hiện trên văn bản văn xuôi – cụ thể qua nhạc điệu. Quan niệm về thơ, mục đích sáng tác, đã đưa đến kiểu tư duy liền mạch, đến lượt nó, kiểu tư duy liền mạch, khúc chiết đã giúp những thi phẩm thơ văn xuôi tiền hiện đại hoàn thành sứ mệnh là “trạm trung chuyển” của mình. Tuy nhiên, thơ văn xuôi tiền hiện đại với kiểu tư duy này cũng có những hạn chế đáng kể, nhất là trong việc khám phá, thể hiện thế giới và con người ở chiều tâm linh, bí ẩn. Kiểu tư duy tuyến tính với loại ngôn ngữ rõ nghĩa không dễ tiếp cận những vùng vô thức huyền hồ, không dễ đi vào “cái bề sâu, bề sau” vốn thăm thẳm, mông lung của thế giới. Điều này phải cần đến một kiểu thơ khác với kiểu tư duy khác, tức một hệ hình sáng tác khác.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Bao tuyển chọn (2001), *Toàn tập Xuân Diệu*, Tập II, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [2]. Hà Minh Đức (1998), *Thơ và mấy vấn đề trong thơ Việt Nam hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
- [3]. Bùi Giáng, *Bữa hôm nay*, <http://www.tienve.org/>
- [4]. Nguyễn Văn Hoa, Nguyễn Ngọc Thiện (1997), *Tuyển tập thơ văn xuôi (Việt Nam và nước ngoài)*, Nxb Văn học, Hà Nội.
- [5]. Lê Văn Ngăn (2008), *Viết dưới bóng quê nhà*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.
- [6]. Nguyên Sa (1957), *Thơ Nguyên Sa*, Trí Dũng xuất bản.
- [7]. Đỗ Lai Thúy (2014), “Sự suy thoái của thể hệ trẻ hay sự chuyển dịch hệ hình tư duy”, <http://bookhunterclub.com>.
- [8]. Đỗ Lai Thúy (2012), *Thơ như là mỹ học của cái khác*, Nxb Hội nhà văn, Hà Nội.

**VIETNAMESE PRE-MODERN PROSE POEMS  
SEEN FROM THINKING INDIGRAM**

**Nguyen Thi Chinh**

*Dong Thap University*

*Email: ntchinhhdhdt@gmail.com*

**ABSTRACT**

*Vietnamese modern prose poems are characterized by inspirational words, linear and continuous thinking style. This thinking style is expressed via building up the linear symbolic images, with serial evolution via the careful selection of language – the pure language, clear meaning, full of colors and expressive values; via maintaining the musical characteristics in poetry as a “lubricant” in conveying emotions.*

**Keywords:** *pre-modernity, prose poem, thinking paradigm.*